



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...308.../HEID-CV  
V/v: Công bố BCTC riêng giữa niên độ năm 2023

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2023

**Kính gửi:** Ủy Ban chứng khoán Nhà nước  
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ - Cát Linh - Đống Đa - Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Thành Anh ( Tổng Giám đốc Công ty - Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ năm 2023 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 22/08/2023).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận :**

- Như trên
- Lưu TCHCTH

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**



**Lê Thành Anh**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(đã được soát xét)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05 - 34
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	09 - 34



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2007 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 4) vào ngày 26 tháng 04 năm 2021.

Địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty tại: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Chí Bình	Chủ tịch	
Ông Lê Thành Anh	Ủy viên	
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	
Ông Nguyễn Duy Hùng	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thành Anh	Tổng Giám đốc	
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2023)
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2023)
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Công Dũng	Trưởng ban
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Ủy viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 22 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
HÀNG KIỂM TOÁN  
AASC



**Phạm Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2023

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>629.613.158.995</b>	<b>444.159.958.525</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	99.484.350.963	190.897.608.450
111	1. Tiền		9.484.350.963	10.897.608.450
112	2. Các khoản tương đương tiền		90.000.000.000	180.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.958.000	5.958.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		97.276.400	97.276.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(91.318.400)	(91.318.400)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		311.181.185.715	82.816.631.487
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	323.009.087.910	75.116.908.333
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	7.636.238.178	25.407.805.840
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.965.136.960	4.876.127.828
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(22.429.277.333)	(22.584.210.514)
140	IV. Hàng tồn kho	9	208.093.397.072	158.420.581.022
141	1. Hàng tồn kho		232.771.271.043	183.988.594.458
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(24.677.873.971)	(25.568.013.436)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.848.267.245	12.019.179.566
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	10.792.539.430	11.140.089.256
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	55.727.815	879.090.310
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>152.546.383.822</b>	<b>154.870.752.984</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		381.800.000	381.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	381.800.000	381.800.000
220	II. Tài sản cố định		4.281.665.764	4.653.866.869
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	4.281.665.764	4.653.866.869
222	- Nguyên giá		13.352.586.368	13.176.231.823
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.070.920.604)	(8.522.364.954)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	145.930.750.000	145.930.750.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		129.662.000.000	129.662.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.056.250.000	14.056.250.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		1.952.168.058	3.904.336.115
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.952.168.058	3.904.336.115
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>782.159.542.817</b>	<b>599.030.711.509</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023**  
**(Tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>419.573.733.884</b>	<b>249.553.981.692</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>419.573.733.884</b>	<b>249.553.981.692</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	168.163.762.971	53.876.037.643
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		196.147.261	400.299
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	9.590.824.457	7.532.119.076
314	4. Phải trả người lao động		33.428.900.329	47.577.842.862
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	96.250.496.681	34.843.030.250
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	9.004.130.675	2.055.170.533
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	90.676.518.287	89.085.350.060
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.262.953.223	14.584.030.969
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>362.585.808.933</b>	<b>349.476.729.817</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>362.585.808.933</b>	<b>349.476.729.817</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	1.945.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		145.662.466.255	118.375.042.810
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		26.992.414.851	26.992.414.851
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		37.985.271.879	52.163.616.208
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.876.192.763	3.876.192.763
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		34.109.079.116	48.287.423.445
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>782.159.542.817</b>	<b>599.030.711.509</b>



**Lương Ngọc Bích**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thanh Bình**  
Kế toán trưởng



**Lê Thành Anh**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2023



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2023	năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	505.674.589.295	510.233.507.779
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	1.346.128.015	601.728.935
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		504.328.461.280	509.631.778.844
11	4. Giá vốn hàng bán	21	351.718.337.154	356.388.619.586
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		152.610.124.126	153.243.159.258
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	3.843.088.095	2.229.201.771
22	7. Chi phí tài chính	23	6.254.757.239	3.736.815.894
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.442.894.117	2.559.834.502
25	8. Chi phí bán hàng	24	74.058.435.440	73.432.163.829
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34.963.702.433	36.695.179.518
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.176.317.109	41.608.201.788
31	11. Thu nhập khác	26	1.410.764.286	826.582.102
32	12. Chi phí khác		25.086.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		1.385.678.286	826.582.102
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		42.561.995.395	42.434.783.890
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27	8.452.916.279	8.427.973.445
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>34.109.079.116</u>	<u>34.006.810.445</u>




Lương Ngọc Bích  
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình  
Kế toán trưởng



  
Lê Thành Anh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2023	năm 2022
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>42.561.995.395</b>	<b>42.434.783.890</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		548.555.650	252.125.520
03	- Các khoản dự phòng		(1.045.072.646)	14.615.793.926
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.530.107.942)	(2.096.389.917)
06	- Chi phí lãi vay		2.442.894.117	2.559.834.502
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>40.978.264.574</b>	<b>57.766.147.921</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(227.811.973.620)	(249.255.185.429)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(48.782.676.585)	(146.661.705.578)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		168.688.597.849	323.642.358.803
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.299.717.883	(5.322.326.884)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.441.638.620)	(2.563.682.430)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.393.107.914)	(6.059.828.151)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.321.077.746)	(2.713.688.870)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(75.783.894.179)</b>	<b>(31.167.910.618)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(176.354.545)	(30.636.364)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.955.823.010	2.595.221.880
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>3.779.468.465</b>	<b>2.564.585.516</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.591.168.227	39.294.333.038
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(36.686.324.740)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.000.000.000)	(19.500.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(19.408.831.773)</b>	<b>(16.891.991.702)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(91.413.257.487)</b>	<b>(45.495.316.804)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>190.897.608.450</b>	<b>194.823.071.691</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	3	<b>99.484.350.963</b>	<b>149.327.754.887</b>

Lương Ngọc Bích  
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình  
Kế toán trưởng



Lê Thành Anh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023*

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2007 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 4) vào ngày 26 tháng 04 năm 2021.

Địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty tại: 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 149 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 145 người).

**Lĩnh vực kinh doanh:** Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

**Ngành nghề kinh doanh:** Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác đề tài, tổ chức xuất bản các sản phẩm giáo dục (bao gồm cả các sản phẩm số);
- In và phát hành sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các ấn phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị, phần mềm giáo dục, thiết bị giáo dục, các dịch vụ giáo dục, đào tạo; cho thuê văn phòng,...;
- Hợp tác, liên doanh với các cá nhân trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực xuất bản, in ấn và phát hành sản phẩm giáo dục...

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn Quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

**Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty:** xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

**2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## **2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.5 Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

### *Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:*

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.6 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.8 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                             |             |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải       | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

## **2.9 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.10 Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 12 tháng.

Chi phí thuê văn phòng, cửa hàng chờ phân bổ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

## **2.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## **2.12 Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

## **2.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.14 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### **2.15 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### **2.16 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **2.17 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## **2.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **2.19 Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn; chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,... được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

*Thuế suất thuế TNDN hiện hành*

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## **2.21 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## **2.22 Thông tin bộ phận**

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách, thiết bị giáo dục và sách khác, toàn bộ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	853.626.176	653.983.448
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.630.724.787	10.243.625.002
Các khoản tương đương tiền (i)	90.000.000.000	180.000.000.000
	<b>99.484.350.963</b>	<b>190.897.608.450</b>

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 90.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất từ 4,3 đến 5,5%/năm.

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>1.000.000.000</b>	-	<b>1.000.000.000</b>	-
Trái phiếu (i)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là giá trị của 100 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam được Công ty mua trong năm 2019 với mệnh giá là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

b) Chứng khoán kinh doanh

	Mã CK	30/06/2023			01/01/2023		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>		<b>97.000.000</b>	<b>5.910.000</b>	<b>(91.090.000)</b>	<b>97.000.000</b>	<b>5.910.000</b>	<b>(91.090.000)</b>
- Công ty CP Sông Đà - Thăng Long	STL	74.600.000	1.830.000	(72.770.000)	74.600.000	1.830.000	(72.770.000)
- Công ty CP Hồng Hà Việt Nam	PHH	22.400.000	4.080.000	(18.320.000)	22.400.000	4.080.000	(18.320.000)
<b>Cổ phiếu đã niêm yết</b>		<b>276.400</b>	<b>48.000</b>	<b>(228.400)</b>	<b>276.400</b>	<b>48.000</b>	<b>(228.400)</b>
- Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	QNC	276.400	48.000	(228.400)	276.400	48.000	(228.400)
		<b>97.276.400</b>	<b>5.958.000</b>	<b>(91.318.400)</b>	<b>97.276.400</b>	<b>5.958.000</b>	<b>(91.318.400)</b>

Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết đang giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM được xác định theo giá bình quân của cổ phiếu trên hệ thống, giá hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán HNX tại ngày 30 tháng 12 năm 2022 và ngày 30 tháng 06 năm 2023.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	30/06/2023			01/01/2023		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>		<b>129.662.000.000</b>	-	-	<b>129.662.000.000</b>	-	-
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (ii)		125.000.000.000			125.000.000.000		
- Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục (ii)		2.682.000.000			2.682.000.000		
- Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn (ii)		1.980.000.000			1.980.000.000		
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		<b>14.056.250.000</b>	-	-	<b>14.056.250.000</b>	-	-
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây (ii)		14.056.250.000			14.056.250.000		
<b>Các khoản đầu tư khác</b>		<b>1.212.500.000</b>	-	-	<b>1.212.500.000</b>	-	-
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội (iii)	EPH	1.212.500.000			1.212.500.000		
		<b>144.930.750.000</b>	-	-	<b>144.930.750.000</b>	-	-

(ii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(iii) Do khoản đầu tư có ít giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường.

#### **Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2023 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,00%	89,00%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,00%	66,00%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2023 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

#### **Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>72.541.525.828</b>	<b>(3.426.581.666)</b>	<b>36.906.734.428</b>	<b>(6.100.086.864)</b>
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.607.163.958	(2.207.677.120)	4.954.467.868	(3.139.314.196)
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.890.311.125	-	92.668.041	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	22.104.917.398	-	5.742.977.421	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	87.413.510	-	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	4.025.504.572	-	1.178.206.627	(353.461.988)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	15.024.519.067	-	4.939.606.093	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	2.168.389.043	-	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	5.871.918.107	-	148.182.365	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	646.020.259	-	2.818.672.859	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Lạng Sơn	17.115.368.789	(1.218.904.546)	17.031.953.154	(2.607.310.680)
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>250.467.562.082</b>	<b>(13.946.535.817)</b>	<b>38.210.173.905</b>	<b>(12.650.899.034)</b>
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.825.764.612	(9.672.913.834)	9.825.764.612	(8.904.091.464)
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Nội	52.803.119.666	-	-	-
Các khách hàng khác	187.838.677.804	(4.273.621.983)	28.384.409.293	(3.746.807.570)
	<b>323.009.087.910</b>	<b>(17.373.117.483)</b>	<b>75.116.908.333</b>	<b>(18.750.985.898)</b>

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nhà máy in Bộ quốc phòng	-	-	16.518.089.247	-
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	5.185.952.065	(5.056.159.850)	5.476.035.165	(3.833.224.616)
Trả trước cho người bán khác	2.450.286.113	-	3.413.681.428	-
	<b>7.636.238.178</b>	<b>(5.056.159.850)</b>	<b>25.407.805.840</b>	<b>(3.833.224.616)</b>

**7 PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	124.904.110	-	550.619.178	-
Phải thu về tạm ứng	2.770.232.850	-	4.255.508.650	-
Ký cược, ký quỹ	70.000.000	-	70.000.000	-
	<b>2.965.136.960</b>	<b>-</b>	<b>4.876.127.828</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	381.800.000	-	381.800.000	-
	<b>381.800.000</b>	<b>-</b>	<b>381.800.000</b>	<b>-</b>

**8 NỢ XẤU**

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.207.677.120	-	3.139.314.196	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Lạng Sơn	4.063.015.154	2.844.110.608	8.691.035.600	6.083.724.920
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.825.764.612	152.850.778	9.825.764.612	921.673.148
Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	5.176.035.165	119.875.315	5.476.035.165	1.642.810.549
Các đối tượng khác	10.362.231.749	6.088.609.766	9.784.390.334	5.684.120.776
	<b>31.634.723.800</b>	<b>9.205.446.467</b>	<b>36.916.539.907</b>	<b>14.332.329.393</b>

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty vẫn đang thực hiện các biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

**9 HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	57.137.884.098	-	76.968.223.075	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.216.611.687	-	31.798.321.787	-
Thành phẩm	65.207.694.117	(17.273.072.071)	35.429.499.196	(17.441.264.917)
Hàng hoá	98.154.608.668	(7.404.801.900)	39.612.580.983	(8.126.748.519)
Hàng gửi đi bán	54.472.473	-	179.969.417	-
	<b>232.771.271.043</b>	<b>(24.677.873.971)</b>	<b>183.988.594.458</b>	<b>(25.568.013.436)</b>

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	5.501.868.691	5.878.118.068
Chi phí thuê cửa hàng chờ phân bổ	1.980.772.270	3.540.127.273
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.232.876.621	1.721.843.915
Chi phí quản lý xuất bản chờ phân bổ	2.077.021.848	-
	<b>10.792.539.430</b>	<b>11.140.089.256</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.952.168.058	3.904.336.115
	<b>1.952.168.058</b>	<b>3.904.336.115</b>

**11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	11.572.249.040	1.603.982.783	13.176.231.823
- Mua trong kỳ	-	176.354.545	176.354.545
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11.572.249.040</b>	<b>1.780.337.328</b>	<b>13.352.586.368</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	7.228.021.255	1.294.343.699	8.522.364.954
- Khấu hao trong kỳ	408.191.214	140.364.436	548.555.650
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.636.212.469</b>	<b>1.434.708.135</b>	<b>9.070.920.604</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4.344.227.785	309.639.084	4.653.866.869
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>3.936.036.571</b>	<b>345.629.193</b>	<b>4.281.665.764</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 7.681.126.025 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 7.681.126.025 VND).

## 12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>118.133.367.074</b>	<b>118.133.367.074</b>	<b>26.866.685.208</b>	<b>26.866.685.208</b>
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	1.571.200.890	1.571.200.890	2.871.200.890	2.871.200.890
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	98.335.511.297	98.335.511.297	21.402.679.613	21.402.679.613
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.448.279.875	1.448.279.875	5.531.500	5.531.500
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	594.120.331	594.120.331	-	-
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	7.096.528.121	7.096.528.121	2.587.273.205	2.587.273.205
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	9.087.726.560	9.087.726.560	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>50.030.395.897</b>	<b>50.030.395.897</b>	<b>27.009.352.435</b>	<b>27.009.352.435</b>
Công ty TNHH Kiến tạo và Kiệt tác	-	-	1.341.625.482	1.341.625.482
Nhà Máy in Bộ Quốc Phòng	8.301.118.111	8.301.118.111	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	41.729.277.786	41.729.277.786	25.667.726.953	25.667.726.953
	<b>168.163.762.971</b>	<b>168.163.762.971</b>	<b>53.876.037.643</b>	<b>53.876.037.643</b>

## 13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	-	533.739.145	287.264.504	533.739.145	-	287.264.504
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.393.107.914	8.452.916.279	6.393.107.914	-	8.452.916.279
Thuế thu nhập cá nhân	874.247.310	605.272.017	9.011.613.822	7.942.879.670	50.884.815	850.643.674
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	4.843.000	-	3.000.000	3.000.000	4.843.000	-
	<b>879.090.310</b>	<b>7.532.119.076</b>	<b>17.754.794.605</b>	<b>14.872.726.729</b>	<b>55.727.815</b>	<b>9.590.824.457</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.255.497	-
Trích trước chi phí tổ chức bàn thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản, phí bản quyền sách	54.659.398.663	24.108.824.013
Chi phí phải trả nhà cung cấp	16.385.475.558	5.899.673.793
Chi phí phải trả khác	25.204.366.963	4.834.532.444
	<u><b>96.250.496.681</b></u>	<u><b>34.843.030.250</b></u>

**15 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	812.489.781	744.347.711
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.191.640.894	1.310.822.822
	<u><b>9.004.130.675</b></u>	<u><b>2.055.170.533</b></u>

**16 VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam (i)	-	-	1.591.168.227	-	1.591.168.227	1.591.168.227
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (ii)	89.085.350.060	89.085.350.060	-	-	89.085.350.060	89.085.350.060
	<b>89.085.350.060</b>	<b>89.085.350.060</b>	<b>1.591.168.227</b>	<b>-</b>	<b>90.676.518.287</b>	<b>90.676.518.287</b>

**a) Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn**

(i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam theo Hợp đồng số SHBHNC/HĐTĐ/790500000429 ngày 20 tháng 05 năm 2023 với hạn mức tín dụng 32 tỷ VND cho thời hạn vay không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại từng đơn rút vốn vay kèm khế ước nhận nợ, lãi vay được thả nổi theo từng khế ước. Hình thức đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu.

Khoản vay nêu trên đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

(ii) Khoản vay Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (công ty con) theo Hợp đồng nguyên tắc vay vốn số 01/HĐVV/HEID-HHTC ngày 01 tháng 01 năm 2015, số tiền vay sẽ tính trên số tiền thực tế do Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công chuyển và số dư công nợ cuối năm; lãi suất cho vay: theo thỏa thuận giữa hai bên; thời hạn vay: do 2 bên tự thỏa thuận cụ thể, Công ty được chủ động trong đề xuất thời hạn của hợp đồng; hình thức đảm bảo cho khoản vay là tín chấp.

**b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay đối với các bên liên quan**

Khoản vay đối với các bên liên quan của Công ty trong kỳ là khoản vay ngắn hạn công ty con: Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, trong đó số dư gốc vay tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2023 và 30 tháng 06 năm 2023 là 89.085.350.060 VND, chi phí lãi vay phát sinh trong 6 tháng đầu năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2022 lần lượt là 2.429.711.397 VND và 2.287.227.572 VND.

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.945.655.948</b>	<b>98.733.454.335</b>	<b>23.543.313.176</b>	<b>36.119.577.888</b>	<b>310.342.001.347</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	34.006.810.445	34.006.810.445
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	12.743.385.125	-	(12.743.385.125)	-
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.945.655.948</b>	<b>111.476.839.460</b>	<b>23.543.313.176</b>	<b>37.883.003.208</b>	<b>324.848.811.792</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.945.655.948</b>	<b>118.375.042.810</b>	<b>26.992.414.851</b>	<b>52.163.616.208</b>	<b>349.476.729.817</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	34.109.079.116	34.109.079.116
Chia cổ tức	-	-	-	-	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	27.287.423.445	-	(27.287.423.445)	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>1.945.655.948</b>	<b>145.662.466.255</b>	<b>26.992.414.851</b>	<b>37.985.271.879</b>	<b>362.585.808.933</b>

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2023, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2022 trên Báo cáo tài chính riêng		<b>68.982.033.495</b>
Đã phân phối trong năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2022 như sau:		20.694.610.050
- Trích quỹ đầu tư phát triển	10%	6.898.203.350
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	6.898.203.350
- Trích quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	5%	3.449.101.675
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5%	3.449.101.675
Phân phối phân lợi nhuận năm 2022 còn lại trong kỳ này:		48.287.423.445
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	40%	27.287.423.445
- Chi trả cổ tức (tương ứng 14% vốn điều lệ)		21.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		-

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2023 VND	Tỷ lệ	01/01/2023 VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
AFC VF Limited	10.833.000.000	7,22%	11.667.000.000	7,78%
Ông Lê Xuân Lương	9.476.000.000	6,32%	9.045.000.000	6,03%
Các cổ đông khác	69.445.000.000	46,30%	69.042.000.000	46,03%
	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Đã đối chiếu với danh sách chốt gần nhất ngày 15 tháng 06 năm 2023 số C180/2023-EID/VSD-ĐK.

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2023 VND	6 tháng đầu năm 2022 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận:</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	21.000.000.000	19.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	21.000.000.000	19.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong kỳ	21.000.000.000	19.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	21.000.000.000	19.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	-	-

**d) Cổ phiếu**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

**e) Các quỹ của công ty**

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	145.662.466.255	118.375.042.810
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.992.414.851	26.992.414.851
	<u><b>172.654.881.106</b></u>	<u><b>145.367.457.661</b></u>

**18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Tài sản thuê ngoài**

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 30/06/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	6.383.966.402	2.533.461.818
Từ 1 năm đến 5 năm	3.197.363.636	4.257.318.182

**19 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>6 tháng đầu</u>	<u>6 tháng đầu</u>
	<u>năm 2023</u>	<u>năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán sách giáo khoa	138.407.848.290	112.179.930.387
Doanh thu xuất bản phẩm, doanh thu khác	367.266.741.005	398.053.577.392
	<u><b>505.674.589.295</b></u>	<u><b>510.233.507.779</b></u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	165.629.152.339	137.737.570.236

**20 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	66.500.720	601.728.935
Hàng bán bị trả lại	1.279.627.295	-
	<b><u>1.346.128.015</u></b>	<b><u>601.728.935</u></b>

**21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Giá vốn bán sách giáo khoa	131.616.312.340	105.893.085.194
Giá vốn bán xuất bản phẩm, giá vốn khác	220.992.164.279	245.966.973.520
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(890.139.465)	4.528.560.872
	<b><u>351.718.337.154</u></b>	<b><u>356.388.619.586</u></b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	246.436.357.148	280.368.680.768
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)		

**22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.087.607.942	1.678.139.917
Cổ tức, lợi nhuận được chia	442.500.000	418.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	23.636.834	5.212.763
Doanh thu hoạt động tài chính khác	289.343.319	127.599.091
	<b><u>3.843.088.095</u></b>	<b><u>2.229.201.771</u></b>
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan	442.500.000	418.250.000
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)		

**23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.442.894.117	2.559.834.502
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	3.811.863.122	1.170.180.888
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	6.794.750
Chi phí tài chính khác	-	5.754
	<b>6.254.757.239</b>	<b>3.736.815.894</b>
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	2.429.711.397	2.287.227.572

**24 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	596.258.482	402.946.623
Chi phí nhân công	24.597.299.133	25.277.442.028
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	974.781.800	275.837.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	61.587.540	1.702.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.594.727.028	36.289.936.524
Chi phí khác bằng tiền	10.233.781.457	11.184.299.335
	<b>74.058.435.440</b>	<b>73.432.163.829</b>

**25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.954.730	139.870.112
Chi phí nhân công	15.964.696.262	12.872.997.809
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	61.018.182	287.523.411
Chi phí khấu hao tài sản cố định	486.968.110	250.423.500
Thuế, phí và lệ phí	177.399.417	3.000.000
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(154.933.181)	10.080.438.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.685.168.195	7.311.111.734
Chi phí khác bằng tiền	6.630.430.718	5.749.814.648
	<b>34.963.702.433</b>	<b>36.695.179.518</b>
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	4.312.392.533	4.045.699.469

**26 THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ tài trợ của Viện nghiên cứu phát triển Văn hóa, Ngôn ngữ và Giáo dục (CLEF)	1.400.000.000	800.000.000
Thu nhập khác	10.764.286	26.582.102
	<b><u>1.410.764.286</u></b>	<b><u>826.582.102</u></b>

**27 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	42.561.995.395	42.434.783.890
Các khoản điều chỉnh tăng	145.086.000	123.333.334
- Lương HĐQT không trực tiếp điều hành	120.000.000	123.333.334
- Chi phí không được trừ	25.086.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(442.500.000)	(418.250.000)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(442.500.000)	(418.250.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	42.264.581.395	42.139.867.224
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b><u>8.452.916.279</u></b>	<b><u>8.427.973.445</u></b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	6.393.107.914	5.736.501.452
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(6.393.107.914)	(6.059.828.151)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b><u>8.452.916.279</u></b>	<b><u>8.104.646.746</u></b>

**28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.023.933.499	100.285.745.901
Chi phí nhân công	52.427.201.251	49.341.732.371
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.035.799.982	563.360.710
Chi phí khấu hao tài sản cố định	548.555.650	252.125.520
Thuế, phí và lệ phí	177.399.417	3.000.000
Chi phí dự phòng	(154.933.181)	10.080.438.304
Chi phí dịch vụ mua ngoài	120.900.131.199	111.709.908.924
Chi phí khác bằng tiền	16.864.212.175	16.934.113.983
	<b><u>296.822.299.992</u></b>	<b><u>289.170.425.713</u></b>

**29 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.



b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

30 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

31 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn (i)

(i) Các đơn vị trực thuộc hoặc công ty con, công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng đầu năm 2022
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>165.629.152.339</b>	<b>137.737.570.236</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	180.604.675	140.970.091
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	13.082.056.724	8.690.493.920
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	46.664.202.609	57.053.706.814
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	65.518.650	11.689.331.359
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh	22.032.178.740	14.610.354.035
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	29.287.981.042	11.524.949.550
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương	40.307.399.877	21.091.024.530
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	87.413.510	270.079.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	2.334.725.600	1.984.830.293
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	6.386.224.630	4.420.625.216
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	573.464.150	776.316.850
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	620.307.218	873.180.750
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	-	17.218.656
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	6.820.000	118.609.720
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	4.000.254.914	4.475.879.452
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>246.436.357.148</b>	<b>280.368.680.768</b>
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	238.200.006.205	263.475.629.336
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	662.488.888	2.572.563.452
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	3.036.370.185	5.974.904.657
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.442.748.375	145.671.077
Công ty CP Sách Dân tộc	2.380.522.825	5.597.952.325
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	2.238.999	475.726.090
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	475.206.599	1.835.159.674
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	151.215.052	12.065.114
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	-	73.856.050
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	-	40.064.861
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	75.675.750
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	45.672.920	37.594.200
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	39.887.100	51.818.182
<b>Chi phí dịch vụ thuê kho, thuê văn phòng</b>	<b>4.312.392.533</b>	<b>4.045.699.469</b>
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	2.799.585.018	2.672.808.559
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	580.636.364	580.636.364
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	932.171.151	792.254.546
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>442.500.000</b>	<b>418.250.000</b>
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	145.500.000	121.250.000
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	297.000.000	297.000.000
<b>Lãi vay phải trả</b>	<b>2.429.711.397</b>	<b>2.287.227.572</b>
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	2.429.711.397	2.287.227.572

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2023	năm 2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Chí Bình	Chủ tịch HĐQT	33.333.333	33.333.333
Ông Lê Thành Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	66.666.666	66.666.666
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	53.333.334	53.333.334
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	53.333.334	26.666.667
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)	-	53.333.334
Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)	-	-
Ông Nguyễn Công Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát	33.333.334	16.666.667
Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày	-	16.666.667
Ông Phan Đức Minh	Thành viên Ban Kiểm soát	20.000.000	20.000.000
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Thành viên Ban Kiểm soát	20.000.000	10.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 31/03/2022)	-	10.000.000

Tiền lương của thành viên ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2023	năm 2022
		VND	VND
Ông Lê Thành Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	190.388.000	154.143.000
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	161.679.250	131.204.400
Ông Nguyễn Duy Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	158.677.600	129.132.600
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc	159.971.600	127.332.600
Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng giám đốc	159.222.600	127.332.600
Bà Nguyễn Thanh Bình	Kế toán trưởng	160.862.600	127.332.600

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**32 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.



**Lương Ngọc Bích**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thanh Bình**  
Kế toán trưởng



**Lê Thành Anh**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2023

